

Số: /ĐA-SGDĐT Tây Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

## ĐỀ ÁN

### Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh

## Phần 1. MỞ ĐẦU

### I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có vai trò hết sức quan trọng, là lực lượng quyết định trực tiếp đến chất lượng giáo dục và sự phát triển của hệ thống giáo dục quốc dân. Phát triển và nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là yếu tố then chốt, quan trọng nhất, quyết định sự thành bại của sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo. Trong đó, xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu chức danh theo vị trí việc làm, đảm bảo về chất lượng là một trong những giải pháp hết sức quan trọng và cấp thiết để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Một trong các giải pháp đó là việc thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, chính sách tiền lương, phụ cấp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức ngành giáo dục nói chung và đội ngũ giáo viên nói riêng, nhằm đảm bảo hợp lý về cơ cấu các CDNN giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông đảm nhiệm được sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước.

Việc thăng hạng CDNN giáo viên phổ thông từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I là một trong những giải pháp quan trọng trong công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhằm đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; đồng thời động viên, khuyến khích đội ngũ giáo viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác, yêu cầu nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập và phù hợp với quy định hiện hành về quản lý viên chức.

Đối với mỗi giáo viên, được tham dự thăng hạng CDNN là cơ hội để kiểm tra và khẳng định mình trong quá trình rèn luyện, thăng tiến nghề nghiệp. Việc thăng hạng CDNN là một trong những nội dung quan trọng trong công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo có phẩm chất chính trị, đạo đức, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công

nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Căn cứ quy định về việc tổ chức xét thăng hạng CDNN đối với viên chức, để kịp thời thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh xây dựng Đề án Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh. Cụ thể:

- Tổ chức xét thăng hạng CDNN Giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông từ hạng III lên hạng II đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức xét thăng hạng CDNN Giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông từ hạng II lên hạng I đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh;

Đề án góp phần quan trọng trong việc giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách cho đội ngũ giáo viên; thúc đẩy nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đồng thời tạo điều kiện cho cơ sở khi thực hiện chính sách về đội ngũ.

## **II. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010.

2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.

3. Luật Nhà Giáo số 73/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

5. Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

6. Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập.

7. Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập.

8. Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập.

9. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT,

02/2021/TT-GDDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

10. Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

11. Thông tư 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng văn hóa xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

12. Thông tư số 001/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ ngày 17/3/2025 về việc ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

13. Quyết định số 32/2025/QĐ-CTUBND ngày 07/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

14. Công văn số 8268/BGDĐT-CBQLGD ngày 15/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục rà soát bổ nhiệm, xét thăng hạng CDNN giáo viên.

15. Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

16. Thông tư số 31/2026/TT-BGDĐT ngày 14/4/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập.

17. Quyết định số 1137/QĐ-BGDĐT ngày 24/4/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực chế độ, chính sách đối với nhà giáo thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

18. Công văn số 796/NGCBQLGD-CSNGCB ngày 22/5/2026 của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục về việc quyết định chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

### **III. THỰC TRẠNG CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC ỨNG VỚI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ XÉT THĂNG HẠNG CÒN THIẾU THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

**1. Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có (kèm theo biểu số 05), cụ thể:**

Theo báo cáo thống kê từ các cơ sở giáo dục phổ thông công lập tính đến ngày 01/01/2026, tổng số cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là 4.159 cụ thể:

Cấp học	HIỆN CÓ									
	TỔNG SỐ	Tổng CBQL	Chia ra			Tổng số Giáo viên	Chia ra			
			Hạng I	Hạng II	Hạng III		Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
Tiểu học	50	5	1	4	0	45	0	24	19	2
THCS	184	7	0	7	0	177	0	99	78	0
THPT	3925	191	1	90	100	3734	0	503	3231	0
<b>TỔNG</b>	<b>4159</b>	<b>203</b>	<b>2</b>	<b>101</b>	<b>100</b>	<b>3956</b>	<b>0</b>	<b>626</b>	<b>3328</b>	<b>2</b>

## 2. Số lượng viên chức còn thiếu theo vị trí việc làm được phê duyệt

### a) Cấp tiểu học (*Trường Khuyết tật tỉnh, Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật*)

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng I: 12 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 5 chỉ tiêu, giáo viên: 7 chỉ tiêu).

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng II: 21 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 1 chỉ tiêu, giáo viên: 20 chỉ tiêu).

### b) Cấp Trung học cơ sở (*các trường liên cấp THCS-THPT*)

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng I: 30 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 8 chỉ tiêu, giáo viên: 22 chỉ tiêu).

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng II: 53 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 2 chỉ tiêu, giáo viên: 51 chỉ tiêu).

### c) Cấp Trung học phổ thông

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học phổ thông hạng I: 368 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 101 chỉ tiêu, giáo viên: 267 chỉ tiêu).

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học phổ thông hạng II: 2120 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 100 chỉ tiêu, giáo viên: 2020 chỉ tiêu).

*(Có thống kê chi tiết từng đơn vị theo mẫu 5 đính kèm)*

## 3. Số lượng đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên

### a) Cấp tiểu học

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng I: 6 trường hợp (viên chức quản lý: 1 trường hợp, giáo viên: 5 trường hợp).

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng II: 7 trường hợp (viên chức quản lý: 0 trường hợp, giáo viên: 7 trường hợp).

**b) Cấp trung học cơ sở**

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng I: 16 trường hợp (viên chức quản lý: 1 trường hợp, giáo viên: 15 trường hợp).

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng II: 38 trường hợp (viên chức quản lý: 0 trường hợp, giáo viên: 38 trường hợp).

**c) Cấp trung học phổ thông**

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học phổ thông hạng I: 87 trường hợp (viên chức quản lý: 20 trường hợp, giáo viên: 67 trường hợp).

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học phổ thông hạng II: 2.224 trường hợp (viên chức quản lý: 87 trường hợp, giáo viên: 2.137 trường hợp).

*(Danh sách kèm theo mẫu 6)*

**4. Chỉ tiêu đề nghị xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức**

**a) Cấp tiểu học**

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng I: 6 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 1 chỉ tiêu, giáo viên: 5 chỉ tiêu).

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng II: 7 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 0 chỉ tiêu, giáo viên: 7 chỉ tiêu).

**b) Cấp Trung học cơ sở**

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng I: 13 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 1 chỉ tiêu, giáo viên: 12 chỉ tiêu).

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng II: 29 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 0 chỉ tiêu, giáo viên: 29 chỉ tiêu).

**c) Cấp Trung học phổ thông**

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học phổ thông hạng I: 76 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 20 chỉ tiêu, giáo viên: 56 chỉ tiêu).

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học phổ thông hạng II: 1.895 chỉ tiêu (viên chức quản lý: 84 chỉ tiêu, giáo viên: 1.811 chỉ tiêu).

*(Có thống kê chi tiết từng đơn vị theo mẫu 5 đính kèm)*

**Phần 2.**  
**NỘI DUNG TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG**  
**CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**I. ĐỐI TƯỢNG DỰ XÉT THĂNG HẠNG**

**1. Bậc Tiểu học**

**1.1. Giáo viên tiểu học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:**

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

**1.2. Giáo viên tiểu học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:**

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư Số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và tương đương.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

## **2. Bậc trung học cơ sở**

**2.1. Giáo viên trung học cơ sở được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:**

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b,

điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

**2.2. Giáo viên trung học cơ sở được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:**

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

### **3. Bậc trung học phổ thông**

**3.1. Giáo viên trung học phổ thông được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:**

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

**3.2. Giáo viên trung học phổ thông được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I (mã số V.07.05.13) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:**

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh

hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II và tương đương.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

## **II. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG**

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo;

c) Các ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định, trong đó có 01 ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

2. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

b) Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban thẩm định hồ sơ, Ban kiểm tra, sát hạch khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thành lập Tổ thư ký giúp việc;

c) Tổ chức thu phí xét thăng hạng và sử dụng theo quy định;

d) Tổ chức xét hồ sơ, kiểm tra, sát hạch theo quy chế;

đ) Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

g) Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

## **III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG**

1. Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định đối với giáo viên dự xét thăng hạng.

2. Hình thức: Thăm định hồ sơ.

#### **IV. XÁC ĐỊNH VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG**

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

b) Viên chức là nữ;

c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

#### **V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG**

##### **1. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng CDNN của viên chức bao gồm:**

a) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng giáo viên (*Mẫu Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*);

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng giáo viên hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của giáo viên theo quy định;

c) Văn bản phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức của 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng;

đ) Các minh chứng theo tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp giáo viên có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định nghề nghiệp số 85/2023/NĐ-CP thì được xác định là đáp ứng

tiêu chuẩn về khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

Đối với các tiêu chuẩn không có minh chứng là các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan thì minh chứng là biên bản đánh giá, nhận xét về khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn đó của tổ chuyên môn, tổ bộ môn hoặc tương đương và có xác nhận của người đứng đầu cơ sở giáo dục trực tiếp quản lý, sử dụng giáo viên.

Trường hợp giáo viên có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP thì được xác định là đáp ứng tiêu chuẩn về khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

## **2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của giáo viên được **xếp theo đúng thứ tự hồ sơ kể trên** và **đóng thành cuốn**. Cụ thể về các mẫu trong thành phần hồ sơ sẽ có hướng dẫn riêng.

Đối với các thành phần hồ sơ quy định và các minh chứng nộp kèm (nếu có) và mốc thời gian tính giữ CDNN và thời gian tốt nghiệp trình độ chuyên môn theo yêu cầu thì tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, viên chức có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu. Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thăng hạng CDNN chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử đi dự thăng hạng CDNN.

## **3. Về lệ phí**

Theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

## **4. Một số lưu ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Công văn số 8268/BGDĐT-CBQLGD:**

- Việc xác định thời gian giữ hạng tương đương thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT. Theo đó, quá trình công tác của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở hạng III và tương đương (bao gồm cả thời gian hợp đồng lao động theo quy định) được xác định tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trung học cơ sở hạng III mà không yêu cầu đủ 09 năm đạt trình độ đào tạo đại học (khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT).

- Giáo viên đã có một trong các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên theo hạng của cấp học đang giảng dạy được xác định là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên của cấp học đang giảng dạy và được sử dụng để đăng ký xét thăng hạng CDNN lên hạng cao hơn (khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT), không yêu cầu giáo viên phải có thêm chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN mới.

- Trường hợp vị trí việc làm thực tế không yêu cầu phải có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học thì không yêu cầu giáo viên phải có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Trường hợp yêu cầu phải có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học thì lưu ý: trường hợp giáo viên có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP thì được xác định là đáp ứng tiêu chuẩn về khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng (khoản 1 Điều 14 Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT).

- Nêu cụ thể các thành tích trong hoạt động nghề nghiệp để làm căn cứ xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP (khoản 2 Điều 14 Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT).

- Đối với các tiêu chuẩn (bao gồm cả tiêu chuẩn về năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp) không có minh chứng là các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan thì minh chứng là biên bản đánh giá, nhận xét về khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn đó của tổ chuyên môn, tổ bộ môn hoặc tương đương và có xác nhận của người đứng đầu cơ sở giáo dục trực tiếp quản lý, sử dụng giáo viên (khoản 3 Điều 14 Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT).

## **VI. THỜI GIAN TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG**

- Thời gian tổ chức xét thăng hạng thực hiện trong quý 3 năm 2026. Dự kiến hoàn thành trước ngày 30/9/2026.

- Thời gian tổ chức thực hiện cụ thể sẽ được thông báo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

## **VII. KINH PHÍ**

Kinh phí tổ chức thực hiện trích từ nguồn kinh phí tổ chức thăng hạng viên chức do ngân sách tỉnh cấp.

## **VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Quyết định phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh.

a) Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP; Hội đồng xét thăng hạng CDNN giáo viên thành lập các bộ phận giúp việc của Hội đồng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 5 Thông tư số 001/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

b) Quyết định thành lập Ban giám sát và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 26 Thông tư số 001/2025/TT-BNV của Bộ Nội vụ (hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định).

## **2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở**

- Thông báo công khai Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh và Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh;

- Đơn vị tổ chức rà soát điều kiện tiêu chuẩn đối với các hồ sơ đăng ký dự xét; lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng kèm theo hồ sơ dự xét theo quy định gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

- Công khai các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị. Tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, phản ánh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết. Chịu trách nhiệm về danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử đi dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Trên đây là Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh./.

### **Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ (đ/b);
- GD, các PGD Sở;
- Các trường trực thuộc Sở;
- Lưu: VT TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quang Thái**